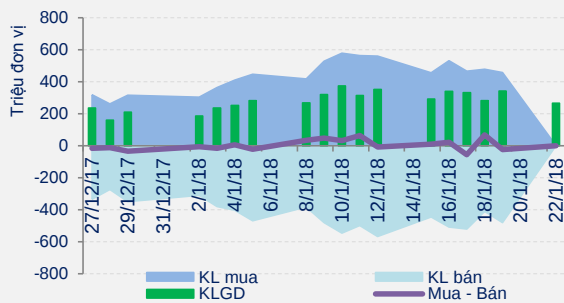
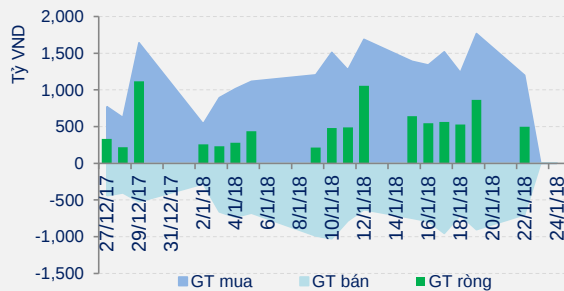


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/1/2018

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	-	126.26
% Thay đổi	-	↓ -0.05%
KLGD (CP)	-	60,197,036
GTGD (tỷ đồng)	-	1,087.12
Tổng cung (CP)	-	114,699,800
Tổng cầu (CP)	-	96,362,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	-	1,069,856
KL mua (CP)	-	1,637,730
GTmua (tỷ đồng)	-	40.93
GT bán (tỷ đồng)	-	22.23
GT ròng (tỷ đồng)	-	18.70

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.02%	14.1	2.7	2.9%
Công nghiệp	↑ 0.04%	21.7	6.7	18.1%
Dầu khí	↓ -0.05%	26.6	5.2	6.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.07%	28.0	6.8	1.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.01%	15.7	3.5	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.01%	25.2	8.6	12.9%
Ngân hàng	↑ 0.01%	17.5	2.7	20.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.01%	12.6	2.5	13.2%
Tài chính	↑ 0.02%	31.1	4.9	20.5%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.08%	16.6	3.9	3.3%
VN - Index		21.5	5.8	0.0%
HNX - Index	↓ -0.05%	15.2	2.3	100.0%

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Việc sàn HOSE vẫn chưa thể giao dịch trong phiên thứ hai liên tiếp đã khiến cho dòng tiền tiếp tục có xu hướng tập trung vào sàn HNX giúp sàn này tăng điểm mạnh trong phiên sáng, tuy nhiên về cuối phiên áp lực chốt lời đã khiến chỉ số đảo chiều giảm điểm nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, HNX-Index giảm 0,06 điểm (-0,05%) xuống 126,26 điểm. Thanh khoản trên sàn HNX sụt giảm nhưng vẫn ở mức cao với giá trị giao dịch đạt 1.087 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 60 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 22 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là trung tính với 106 mã tăng, 67 mã tham chiếu, 110 mã giảm. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian trước khi bị chốt lời mạnh từ 14h trở đi khiến chỉ số giảm dưới mức tham chiếu. Những mã ảnh hưởng tiêu cực nhất đến HNX-Index có thể kể đến như ACB (-0,7%), VCG (-0,8%), HUT (-1,8%). Chiều ngược lại, các mã như PVI (+6,7%), VCS (+0,8%), NVB (+4,9%), SHB (+0,8%) tăng tốt nhưng là chưa đủ để giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh. Nhóm cổ phiếu dầu khí sau một giai đoạn tăng tốt đã bị chốt lời và đồng loạt giảm giá như PVS (-0,3%), PVB (-2,2%), PVC (-2,3%). Các cổ phiếu chứng khoán cũng đi xuống theo xu hướng của thị trường như SHS (-0,4%), MBS (-1,9%), BVS (-1%).

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Sau bốn phiên tăng liên tiếp thì cuối cùng thị trường cũng chịu áp lực điều chỉnh trong phiên hôm nay. Áp lực chốt lời ở vùng giá cao từ khoảng 14h trở đi đã khiến HNX-Index giảm điểm. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của HNX-Index tiếp tục là Tích cực với ngưỡng kháng cự tương ứng với đỉnh phiên hôm nay tại 127,9 điểm. Chúng tôi cho rằng, phiên giảm hôm nay chỉ mang tính chất củng cố cho vùng giá mới vừa đạt được và thị trường sẽ nhanh chóng lấy lại mức cân bằng và tiếp tục đi lên các đỉnh cao mới trong thời gian sắp tới. Dự báo, trong phiên giao dịch ngày 25/1, HNX-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tương ứng với đỉnh phiên hôm nay tại 127,9 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải và tích cực quan sát thị trường để có quyết định hợp lý. Nhà đầu tư trung và dài hạn tiếp tục nắm giữ những cổ phiếu đang có vị thế tốt và triển vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2018.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/1/2018

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên sáng tại 127,93 điểm. Từ khoảng 14h trở đi, áp lực chốt lời tăng dần khiến chỉ số đánh mất sắc xanh và kết phiên trong trạng thái giảm nhẹ. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,06 điểm (-0,05%) xuống 126,26 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB giảm 300 đồng, VCG giảm 200 đồng, HUT giảm 200 đồng. Ở chiều ngược lại, PVI tăng 2.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị 18,7 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 568 nghìn cổ phiếu. VCG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,8 tỷ đồng tương ứng với 355 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 8 tỷ đồng tương ứng với 254 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1 tỷ đồng tương ứng với 85 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Việt Nam và 10 quốc gia thành viên hoàn tất các chi tiết cuối cùng của CPTPP

Các chi tiết cuối cùng của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (dự kiến sẽ được ký kết vào tháng 3/2018) đã đạt được sự đồng thuận từ tất cả 11 quốc gia thành viên.

Hiệp định này trước đó đã đổi tên thành Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP - Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership) sau khi Mỹ rút lui.

CPTPP chiếm tới 12,9% GDP của cả thế giới và 14,9% hoạt động thương mại toàn cầu. Bất chấp sự rút lui của Mỹ, thỏa thuận hiện tại vẫn ngang tầm với Thỏa thuận Đối tác Kinh tế (EPA) giữa Nhật Bản và Liên minh châu Âu (EU) vừa mới hoàn tất trong thời gian gần đây.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

HNX-Index:



HNX-Index điều chỉnh nhẹ trở lại sau bốn phiên tăng điểm trước đó, khối lượng giao dịch ở mức trung bình với 60 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 122,8-124,2 điểm (MA5-10) và ngưỡng kháng cự tại 127,9 điểm. Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 115,6 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch ngày 25/1, HNX-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tương ứng với đỉnh phiên hôm nay tại 127,9 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,82 - 36,92 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 80.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 30.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng Ngày 24/1 Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 22.415 đồng (tăng 5 đồng).

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 9,7 USD/ounce tương ứng 0,73% lên 1.346,4 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,36 điểm tương ứng với 0,4% xuống 89,52 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2344 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,4085 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 109,72 JPY.

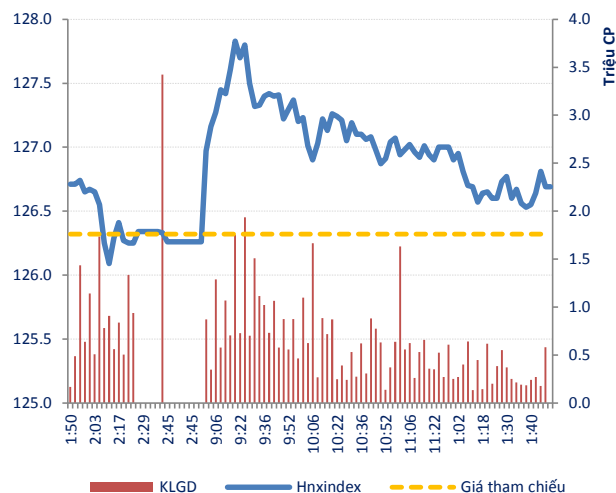
Giá dầu thế giới tăng Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,03 USD/thùng tương ứng với 0,05% lên 64,5 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/1, chỉ số Dow Jones giảm 3,79 điểm tương ứng 0,01% xuống 26.210,81 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 52,26 điểm tương ứng 0,71% lên 7.460,29 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 6,16 điểm tương ứng 0,22% lên 2.839,13 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

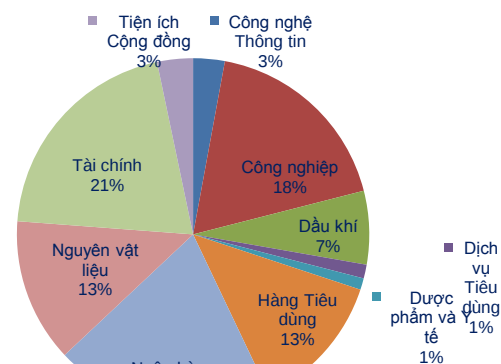
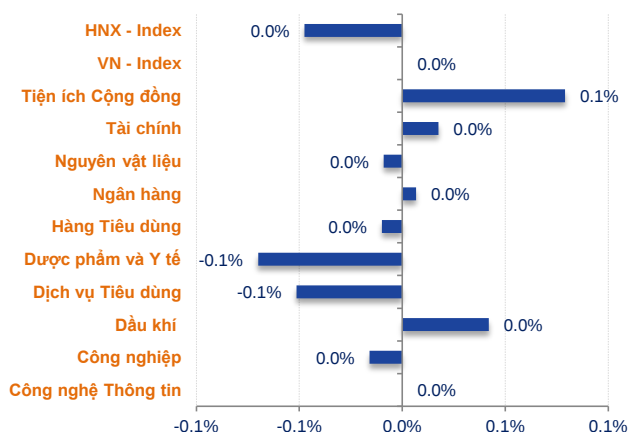
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên



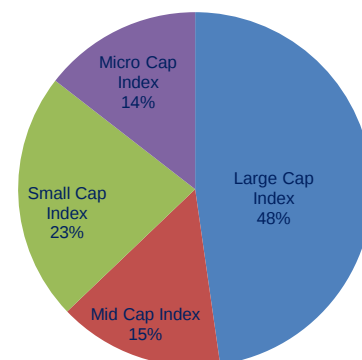
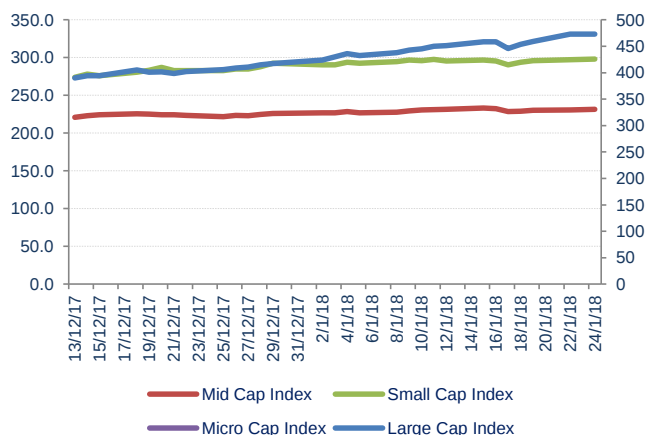
Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	E1VFN30	2,783,350	VRE	1,662,750
2	SSI	2,234,360	CII	310,090
3	DXG	1,306,740	TDH	282,710
4	PVD	1,199,610	HBC	213,930
5	KBC	806,050	PAN	185,870

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	355,200	SHB	85,400
2	PVS	254,430	PVG	43,300
3	VGC	74,000	NET	36,000
4	SHS	37,300	HKT	30,600
5	KVC	29,500	NBC	30,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
STB	15.10	15.10	⇒	0.00%	24,126,670
HAG	7.94	7.94	⇒	0.00%	12,320,100
SSI	34.20	34.20	⇒	0.00%	10,563,620
HQC	2.55	2.55	⇒	0.00%	9,934,480
FLC	7.02	7.02	⇒	0.00%	7,790,340

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	11.80	11.90	↑	0.85%	14,085,815
PVS	31.10	31.00	↓	-0.32%	6,601,218
ACB	41.40	41.10	↓	-0.72%	4,159,581
SHS	23.60	23.50	↓	-0.42%	2,996,500
VCG	24.90	24.70	↓	-0.80%	2,965,752

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPB	49.25	49.25	0.00	⇒ 0.00%
VPG	15.75	15.75	0.00	⇒ 0.00%
VPH	11.30	11.30	0.00	⇒ 0.00%
VPK	6.51	6.51	0.00	⇒ 0.00%
VRC	21.00	21.00	0.00	⇒ 0.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSA	21.00	23.10	2.10	↑ 10.00%
SD7	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
PEN	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
HHC	62.00	68.20	6.20	↑ 10.00%
CTX	24.20	26.60	2.40	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPB	49.25	49.25	0.00	⇒ 0.00%
VPG	15.75	15.75	0.00	⇒ 0.00%
VPH	11.30	11.30	0.00	⇒ 0.00%
VPK	6.51	6.51	0.00	⇒ 0.00%
VRC	21.00	21.00	0.00	⇒ 0.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIE	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
SEB	51.00	45.90	-5.10	↓ -10.00%
HVA	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
CCM	30.50	27.50	-3.00	↓ -9.84%
PPP	11.30	10.20	-1.10	↓ -9.73%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	24,126,670	5.2%	650	23.2	1.2
HAG	12,320,100	3250.0%	788	10.1	0.5
SSI	10,563,620	10.9%	1,859	18.4	1.9
HQC	9,934,480	1.8%	164	15.5	0.3
FLC	7,790,340	6.5%	862	8.1	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	14,085,815	10.2%	1,164	10.2	0.9
PVS	6,601,218	7.1%	1,897	16.3	1.3
ACB	4,159,581	12.6%	1,882	21.8	2.7
SHS	2,996,500	29.4%	3,809	6.2	1.6
VCG	2,965,752	8.5%	1,440	17.2	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	⇒ 0.0%	27.5%	4,424	11.1	2.5
VPG	⇒ 0.0%	13.8%	1,666	9.5	1.2
VPH	⇒ 0.0%	33.8%	4,338	2.6	0.7
VPK	⇒ 0.0%	-28.2%	(2,622)	-	0.8
VRC	⇒ 0.0%	18.5%	1,465	14.3	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSA	↑ 10.0%	11.3%	3,108	7.4	1.0
SD7	↑ 10.0%	-92.5%	(11,816)	-	0.3
PEN	↑ 10.0%	2.7%	449	26.9	0.7
HHC	↑ 10.0%	9.9%	2,052	33.2	3.2
CTX	↑ 9.9%	1.1%	228	116.6	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
1VFN3	2,783,350	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	2,234,360	10.9%	1,859	18.4	1.9
DXG	1,306,740	22.3%	2,836	9.8	2.2
PVD	1,199,610	-1.5%	(504)	-	0.8
KBC	806,050	6.6%	1,236	11.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	355,200	8.5%	1,440	17.2	1.8
PVS	254,430	7.1%	1,897	16.3	1.3
VGC	74,000	12.0%	1,892	14.4	2.0
SHS	37,300	29.4%	3,809	6.2	1.6
KVC	29,500	4.4%	471	6.4	0.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	307,087	43.2%	7,152	29.6	12.8
VCB	227,739	17.8%	2,526	25.1	4.2
VIC	224,205	4.3%	737	115.4	8.1
GAS	202,687	22.8%	5,005	21.2	4.9
SAB	167,374	31.5%	6,966	37.5	11.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	40,521	12.6%	1,882	21.8	2.7
VCS	18,704	58.4%	14,022	16.7	7.8
SHB	14,317	10.2%	1,164	10.2	0.9
PVS	13,848	7.1%	1,897	16.3	1.3
VGC	12,195	12.0%	1,892	14.4	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	2.56	15.8%	1,791	9.4	1.4
NVT	2.27	-41.8%	(3,345)	-	0.9
PXS	2.08	0.6%	77	132.1	0.8
SBT	1.94	8.8%	1,292	17.6	1.8
VCB	1.92	17.8%	2,526	25.1	4.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	2.54	8.5%	1,440	17.2	1.8
TDN	2.48	1.7%	181	37.1	0.6
SHS	2.16	29.4%	3,809	6.2	1.6
PVX	2.06	-5.5%	(410)	-	0.9
PCN	2.02	-29.9%	(2,483)	-	0.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài,
Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS, Số 236-
238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP
Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
